| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BA ĐÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **32**/2022/DSST
Ngày 21 tháng 3 năm 2022
*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Bùi Thị Hạnh**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

*Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình*:

Bà **Lê Thị Bích Hạnh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/TL - DSST ngày 10 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXX - ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)**; Địa chỉ: Số 89 L, phường L quận Đ, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME cá nhân, VPBank Hội sở theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của ông Ngô Chí D - Chủ tịch hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của VPBank. Ông Phạm Anh T ủy quyền lại cho ông Trịnh Chiêu M, ông Nguyễn Thế K, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc H theo Văn bản ủy quyền số 1842/2021/UQ-LCC-KHCN2 ngày 14/7/2021. Ông K có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Lê Như N**, sinh năm 1964, CCCD số 035164001292 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/7/2017 và ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1960,

CCCD số 017060000038 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 05/01/2017. Cùng HKTT và nơi ở hiện tại: P307, Nhà A-219C N, phường N, quận B, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền: ông **Bùi Quốc H1**, sinh năm 1992 theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2021. Địa chỉ: P307, Nhà A-219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường N, quận B, thành phố H). Anh H1 có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Bùi Quốc H1**, sinh năm 1992; anh **Bùi Quốc H2**, sinh năm 1997; cháu **Bùi Dương Gia K**, sinh năm 2019 (con đẻ của anh Bùi Quốc H2). Địa chỉ: P307, Nhà A-219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường N, quận B, thành phố H). Người đại diện theo pháp luật của cháu Bùi Dương Gia K: anh Bùi Quốc H2. Anh Bùi Quốc H2 ủy quyền cho anh Bùi Quốc H1 theo Biên bản xác nhận ủy quyền ngày 03/3/2022. Anh H1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng *(sau đây viết tắt là* VPBank*) do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thế K trình bày***:

Bà Lê Như N, ông Bùi Văn H và VPBank có ký Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017 với nội dung: số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình.

Ngày 31/7/2017 bà Lê Như N và ông Bùi Văn H có ký Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử với nội dung: hạn mức: 40.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng.

*** Tài sản bảo đảm của các khoản vay nêu trên là:**

Toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư tại địa chỉ P307, Nhà A- 219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường N, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010121540102931, hồ sơ gốc số: 753/2008/QĐ-04 do UBND quận B, thành phố H cấp ngày 05/5/2008. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số công chứng: 2443/2017; Quyển số: 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/7/2017 giữa bà Lê Như N và ông Bùi Văn H với VPBank được lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Lê Như N và ông Bùi Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank nên toàn bộ khoản vay chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa, VPBank xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phạt vi phạm là: 30.867.989 đồng.

Nay VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc bà Lê Như N và ông Bùi Văn H phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan tạm tính đến ngày 21/3/2022 là: 762.269.262 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017: Nợ gốc: 466.474.868 đồng; Nợ trong hạn: 14.326.288 đồng; Nợ lãi quá hạn: 196.928.366. Tổng cộng: 677.729.522 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi 44.539.740 đồng. Tổng cộng: 84.539.740 đồng.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Lê Như N và ông Bùi Văn H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

Trong trường hợp bà Lê Như N và ông Bùi Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VPBank có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho VPBank. Cụ thể như sau: Toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư tại địa chỉ P307, Nhà A- 219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường N, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010121540102931, hồ sơ gốc số: 753/2008/QĐ-04 do UBND quận B, thành phố H cấp ngày 05/5/2008 đứng tên bà Lê Như N và ông Bùi Văn H. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số công chứng: 2443/2017; Quyển số: 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/7/2017 giữa bà Lê Như N và ông Bùi Văn H với VPBank được lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên bà Lê Như N, ông Bùi Văn H phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho VPBank.

* Bị đơn: Bà Lê Như N và ông Bùi Văn H. Người đại diện theo ủy quyền anh ***Bùi Quốc H1*** trình bày:

Anh xác nhận bố mẹ anh là bà Lê Như N và ông Bùi Văn H có ký Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017 với nội dung: số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Đồng thời bố mẹ anh được cấp thẻ tín dụng, nhưng không lưu Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017. Thẻ tín dụng có nội dung: hạn mức: 40.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư tại địa chỉ P307, Nhà A-219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường N, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010121540102931, hồ sơ gốc số: 753/2008/QĐ-04 do UBND quận B, thành phố H cấp ngày 05/5/2008 đứng tên bà Lê Như N và ông Bùi Văn H. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số công chứng: 2443/2017; Quyển số: 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/7/2017 giữa bà Lê Như N và ông Bùi Văn H với VPBank được lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thay mặt bố mẹ anh có ý kiến như sau:

Anh xác nhận đây là khoản vay của bố mẹ anh, bố mẹ anh sẽ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật. Bố mẹ anh sẽ thanh toán trả cho ngân hàng sau khi làm rõ các nội dung sau: Quy trình làm hồ sơ cho vay của bố mẹ anh; nội dung chi tiết khoản cần thanh toán theo yêu cầu của ngân hàng (Mức lãi suất, tiền gốc đến hạn, tiền lãi trên nợ gốc, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, các khoản phí khác theo hợp đồng); Thời gian quá hạn của hai khoản vay là bao nhiêu ngày tính đến thời điểm hiện tại; Hợp đồng bảo hiểm số C317/TSTH/01/23/17.

Ngoài ra, anh không có trình bày gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Quốc H1 và anh Bùi Quốc H2. Người đại diện theo ủy quyền là anh ***Bùi Quốc H1*** trình bày:

Bố mẹ anh là bà Lê Như N và ông Bùi Văn H có ký Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với nội dung: số tiền

nhận nợ: 600.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Đồng thời bố mẹ anh được cấp thẻ tín dụng, nhưng không lưu Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017. Thẻ tín dụng có nội dung: hạn mức: 40.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010121540102931, hồ sơ gốc số: 753/2008/QĐ-04 do UBND quận Ba đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/5/2008. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số công chứng: 2443/2017; Quyển số: 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/7/2017 giữa bà Lê Như N và ông Bùi Văn H với VPBank được lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình các anh sinh sống tại địa chỉ trên không có sửa chữa, cải tạo gì đối với căn hộ trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, các anh có ý kiến như sau: Các anh xác nhận đây là khoản vay của bố mẹ các anh, bố mẹ các anh sẽ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, các anh không có trình bày gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: bà Lê Như N và ông Bùi Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: P307, Nhà A-219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường H, quận B, thành phố H). Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của BLTTDS sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 BLTTDS.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

*Về nội dung:* Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Buộc bà Lê Như N và ông Bùi Văn H phải thanh toán trả cho VPBank số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21/3/2022 là: 762.269.262 đồng cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017: Nợ gốc: 466.474.868 đồng; Nợ trong hạn: 14.326.288 đồng; Nợ lãi quá hạn: 196.928.366. Tổng cộng: 677.729.522 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi 44.539.740 đồng. Tổng cộng: 84.539.740 đồng.

Và khoản lãi phát sinh sau ngày 21/3/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017.

Đối với Hợp đồng thế chấp nhà ở số công chứng: 2443/2017; Quyển số: 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/7/2017 giữa bà Lê Như N, ông Bùi Văn H với VPBank được lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ là hợp pháp. Chấp nhận yêu cầu của VPBank trong trường hợp bà N, ông H không thanh toán được khoản nợ trên thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, VPBank xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phạt vi phạm là: 30.867.989 đồng là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: bà Lê Như N và ông Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017 được ký giữa VPBank với bà Lê Như N và ông Bùi Văn H, mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Như N và ông Bùi Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: P307, Nhà A-219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường N, quận B, thành phố H). Do bà N, ông H không thanh toán được khoản nợ cho VPBank khi đến hạn trả nợ. Do vậy, VPBank đã khởi kiện bà N, ông H đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N, ông H phải thanh toán trả VPBank toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết Hợp đồng và nội dung ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên là Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017 có giá trị pháp lí.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017 giữa VPBank và Hợp đồng thế chấp nhà ở số công chứng: 2443/2017; Quyển số: 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/7/2017 giữa bà Lê Như N, ông Bùi Văn H với VPBank được lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ, thành phố Hà Nội. Ngân hàng VPBank đã giải ngân cho bà N, ông H tổng số tiền là: 640.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà N, ông H đã thanh toán trả cho VPBank tổng cộng số tiền là: 262.416.886 đồng trong đó: Nợ gốc: 133.525.132 đồng; Nợ lãi trong hạn: 128.640.127 đồng; Trả phạt: 251.627 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, VPBank xác nhận bà N, ông H còn nợ VPBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022 là 762.269.262 đồng cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017: Nợ gốc: 466.474.868 đồng; Nợ trong hạn: 14.326.288 đồng; Nợ lãi quá hạn: 196.928.366. Tổng cộng: 677.729.522 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi 44.539.740 đồng. Tổng cộng: 84.539.740 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017; Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620 ngày 31/7/2017 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định bà N, ông H có nợ

VPBank nên có trách nhiệm trả nợ cho VPBank theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 16/9/2019 nên theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng quy định thu hồi nợ trước hạn:

*"Các bên thống nhận thỏa thuận rằng bên ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:*

*a. Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào theo thỏa thuận của Các bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ....."*

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc bà N, ông H phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022 là 762.269.262 đồng cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017: Nợ gốc: 466.474.868 đồng; Nợ trong hạn: 14.326.288 đồng; Nợ lãi quá hạn: 196.928.366. Tổng cộng: 677.729.522 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi 44.539.740 đồng. Tổng cộng: 84.539.740 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017 là đúng pháp luật, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do đó, việc VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N, ông H phải thanh toán trả VPBank số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, VPBank xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phạt vi phạm là: 30.867.989 đồng là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPBank:

Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà N, ông H không thanh toán trả cho VPBank nợ gốc và nợ lãi thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp nhà ở số công chứng: 2443/2017; Quyển số: 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/7/2017 giữa bà Lê Như N, ông Bùi Văn H với VPBank được

lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ. Bà N, ông H đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư tại địa chỉ P307, Nhà A-219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường N, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010121540102931, hồ sơ gốc số: 753/2008/QĐ-04 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/5/2008 đứng tên bà Lê Như N và ông Bùi Văn H để đảm bảo cho khoản vay của bà Lê Như N và ông Bùi Văn H tại VPBank. Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên ký kết tại Văn phòng công chứng Kinh Đ, thành phố Hà Nội và được công chứng viên công chứng. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được bà N, ông H đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp ngày 25/7/2017. Mặt khác, tài sản thế chấp đã được văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa chứng nhận việc thế chấp ngày 28/7/2017.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quy định nghĩa vụ bảo đảm và thời hạn thế chấp quy định: "*Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên thế chấp đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký giữa Bên thế chấp với bên ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này bao gồm tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng này ("Văn kiện tín dụng"). Văn kiện tín dụng theo quy định tại điểm này được hiểu bao gồm nhưng không giới hạn các Thỏa thuận về việc cung cấp và sử dụng tín dụng, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh, Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng phát hành L/C hay bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào ghi nhận các giao dịch cấp tín dụng giữa Bên ngân hàng và Bên thế chấp hoặc bất kỳ giao dịch nào khác xác định nghĩa vụ nợ của Bên thế chấp với Bên ngân hàng".*

Việc bà N, ông H ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, việc bà N, ông H dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của ông bà theo Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lí. Yêu cầu của VPBank đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bà N, ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm:

VPBank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn bà Lê Như N và ông Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Do ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 335, 336, 338, 339, 340, 341, 342; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm".

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu bà Lê Như N và ông Bùi Văn H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017; Khế ước nhận nợ số 01/số LN1707100108620

ngày 31/7/2017 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017.

- Xác nhận bà Lê Như N và ông Bùi Văn H còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022 là **762.269.262** *(Bảy trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi hai)* đồng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017: Nợ gốc: **466.474.868** *(Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tư nghìn, tám trăm sáu mươi tám)* đồng; Nợ trong hạn: **14.326.288** *(Mười bốn triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám)* đồng; Nợ lãi quá hạn: **196.928.366** *(Một trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi sáu)* đồng. Tổng cộng: **677.729.522** *(Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi hai)* đồng.

+ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017: Nợ gốc: **40.000.000** *(Bốn mươi triệu)* đồng; Nợ lãi **44.539.740** *(Bốn mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi)* đồng. Tổng cộng: **84.539.740** *(Tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi)* đồng.

- Buộc bà Lê Như N và ông Bùi Văn H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022 là **762.269.262** *(Bảy trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi hai)* đồng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số LN1707100108620 ngày 26/7/2017: Nợ gốc: **466.474.868** *(Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tư nghìn, tám trăm sáu mươi tám)* đồng; Nợ trong hạn: **14.326.288** *(Mười bốn triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tám)* đồng; Nợ lãi quá hạn: **196.928.366** *(Một trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi sáu)* đồng. Tổng cộng: **677.729.522** *(Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi hai)* đồng.

+ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/7/2017: Nợ gốc: **40.000.000** *(Bốn mươi triệu)* đồng; Nợ lãi **44.539.740** *(Bốn mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi)* đồng. Tổng cộng: **84.539.740** *(Tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi)* đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật bà Lê Như N và ông Bùi Văn H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bà Lê Như N và ông Bùi Văn H để thu hồi nợ là: Toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư tại địa chỉ P307, Nhà A-

219C N, phường N, quận B, thành phố H (nay là P307 nhà 16 ngách 55/38 đường H, phường H, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010121540102931, hồ sơ gốc số: 753/2008/QĐ-04 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/5/2008 đứng tên bà Lê Như N và ông Bùi Văn H đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1802/2015; Quyển số 02-2015 ký ngày 12/05/2015 giữa bà Lê Như N và ông Bùi Văn H với VPBank được lập tại Văn phòng công chứng Kinh Đ.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu.

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt vi phạm là: **30.867.989** *(Ba mươi triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi chín)* đồng là do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

**3**. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Lê Như N phải chịu **17.245.385** *(Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi lăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Ông Bùi Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.000.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0067525 ngày 10/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Như N và ông Bùi Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

**Nơi nhận:**
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung